

NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

ĐỖ CÔNG ĐỊNH *

CHIẾN lược Dân số Việt Nam 2001 - 2010 đã chỉ rõ cơ cấu dân số của nước ta đang chuyển dần từ cơ cấu dân số trẻ sang cơ cấu dân số già: tuổi trung vị sẽ tăng từ 23,2 (năm 2000) lên 27,1 (năm 2010); số trẻ em dưới 15 tuổi mặc dù giảm từ 26 triệu (năm 2000) xuống 21,8 triệu (năm 2010) nhưng vẫn ở mức cao; số người trong độ tuổi từ 15 đến 59 cũng sẽ tăng từ 45,5 triệu (năm 2000) lên 58,7 triệu (năm 2010)⁽¹⁾.

Rõ ràng, dân số đông sẽ tạo ra một thị trường tiêu thụ lớn. Nguồn nhân lực dồi dào sẽ kích thích nền kinh tế phát triển. Nhưng sự gia tăng dân số quá nhanh sẽ tạo nên một áp lực không nhỏ đối với xã hội như vấn đề việc làm, sự dịch chuyển của nền kinh tế, quá trình di dân và nhiều vấn đề liên quan khác như phúc lợi công cộng, môi trường... Thực tế này đã được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII nhận định: "*Giá tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng cản trở tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn lớn cho việc cải thiện đời sống, hạn chế điều kiện phát triển về mặt trí tuệ, văn hóa và thể lực của giống nòi. Nếu xu hướng này cứ tiếp tục diễn ra thì trong tương lai không xa đất nước ta sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí những nguy cơ về nhiều mặt*".

1 - Vai trò của nguồn nhân lực đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là con đường duy nhất để phát triển nền kinh tế - xã hội đối với bất cứ quốc gia nào, nhất là các nước chậm và đang phát triển. Chỉ có công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới có thể rút ngắn được thời gian phát triển kinh tế - xã hội so với các nước "đi trước". Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, con người - nguồn nhân lực - với tư cách là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội, chính là yếu tố quyết định quan trọng nhất, là động lực cơ bản nhất. Thực tế đã chứng minh, nguyên nhân dẫn đến sự thành công của các quốc gia và vùng lãnh thổ có nền công nghiệp phát triển ở châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po, Hồng Kông, Đài Loan... không chỉ bắt nguồn từ phát triển khoa học - công nghệ mà chủ yếu là dựa vào nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có hàm lượng chất xám cao. Vì thế, có thể khẳng định, nguồn nhân lực đã trở thành yếu tố quan trọng nhất, có ảnh hưởng mang tính quyết định nhất đối với sự phồn thịnh của quốc gia, dân tộc.

* Báo Nhà báo và Công luận

(1) Ủy ban quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình: Chiến lược Dân số Việt Nam 2001 - 2010, Hà Nội, 2000, tr 25 - 26

Đảng ta đã xác định nhân tố con người - chính xác hơn là vốn con người, vốn nhân lực, bao gồm cả sức lao động, trí tuệ và tinh thần gắn với truyền thống của dân tộc - là vốn quý nhất, quyết định sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhân tố này, nếu được giải phóng sẽ trở thành nguồn nội lực vô tận để phát triển đất nước. Vì thế, giải phóng tiềm năng con người để phát huy tối đa nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một trong những quan điểm đổi mới có tính đột phá trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ta trong thời kỳ mới. Con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới, đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII xác định xây dựng với những đức tính "... *lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực...*" (2).

2 - Thực trạng nguồn nhân lực

Như trên đã phân tích, nguồn nhân lực có vai trò rất lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay. Nhưng, sự tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đối với nguồn nhân lực cũng không phải nhỏ. Nếu như trước kia, khi chưa có máy móc hiện đại, rất nhiều lao động phổ thông có thể được sử dụng để tạo ra của cải vật chất cho xã hội thì ngày nay, đôi khi chỉ một thiết bị hiện đại cũng đã có thể thay thế cho công việc của vài người, vài chục người, và thậm chí hàng trăm người. Vì thế, áp lực gia tăng dân số đã đẩy không ít người đến bên bờ của sự thất nghiệp nếu như họ không đáp ứng được những yêu cầu mới của sự phát triển.

Những năm gần đây, chỉ số giáo dục của nước ta đã bằng và vượt một số nước trong khu vực. Cơ cấu và trình độ đào tạo nghề đối với người lao động cũng biến đổi theo chiều

hướng tích cực. Theo đó, tỷ lệ lao động kỹ thuật đã tăng mạnh, số lượng lao động qua đào tạo nghề tham gia lao động ngày càng tăng, góp phần làm ra nhiều của cải cho đất nước và đưa nền kinh tế tăng trưởng trên 7%, đồng thời tăng thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, nguồn nhân lực hiện nay của Việt Nam vẫn đang có những tồn tại đáng quan tâm như: tỷ lệ lao động được đào tạo còn ít, trình độ chuyên môn của người lao động chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế và không cân đối. Tức là, thách thức lớn nhất gắn liền với chất lượng nguồn nhân lực không chỉ trong tương lai mà ngay cả hiện tại chính là chất lượng lao động.

Tuy nhiên, trong năm 2002, chỉ có khoảng 15% dân số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật - một con số quá thấp so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tình trạng này còn trầm trọng hơn ở khu vực nông thôn, với trên 90% dân số không có bất kỳ trình độ chuyên môn, kỹ thuật nào (3). Tính đến hết năm 2004, tỷ lệ lao động qua đào tạo của nước ta mới đạt trên 22,5% (tăng 1,5 % so với năm 2003), trong đó tỷ lệ qua đào tạo nghề đạt 13,3%. Tính theo thang điểm quốc tế, trình độ chuyên môn của người lao động Việt Nam chỉ đạt 17,86/60 điểm (điểm tối đa)... Vì thế, dù đó đây đã xuất hiện tình trạng "thừa thầy", nhưng phần lớn người sử dụng lao động vẫn phải đào tạo lại khi sử dụng. Chủ trương của Nhà nước là phân bổ mỗi năm đào tạo trên 1 triệu lao động, trong đó có 200.000 lao động đào tạo có chất lượng cao và đến năm 2010 sẽ có 40% lao động đã qua đào tạo nghề.

(2) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu phục vụ nghiên cứu Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr 59

(3) Bùi Phương Đình: "Ảnh hưởng của dư lợi dân số đến nguồn lao động ở Việt Nam", *Tap chí Lý luận Chính trị*, số 12-2003, tr 68 - 69

Ước tính, trong vòng 10 năm tới, chúng ta cần tạo công ăn việc làm cho gần 18 triệu người bước vào tuổi lao động, đa số xuất phát từ các vùng nông thôn, nơi vẫn duy trì mức sinh cao hơn so với vùng thành thị. Nhưng, sẽ chỉ có một phần nhỏ trong số này là có thể tìm được việc làm bằng hình thức thể chổ những người đã đến tuổi nghỉ hưu và thôi lao động. Riêng năm 2005, nước ta có 43 triệu người trong độ tuổi lao động, trong đó có 32 triệu lao động nông thôn, 2,5 triệu người có nhu cầu giải quyết việc làm. Trong khi đó, số người thất nghiệp ở nước ta dù đã giảm, nhưng vẫn còn rất đáng lo ngại. Ở vùng đô thị, năm 2001 là 6,28%, năm 2002 là 6,01%, năm 2003 là 5,78%, năm 2004 là 5,53%, ước tính năm 2005 là 5,28 %.

Điều đáng quan tâm là, hiện nay, do sự chênh lệch lớn về giá trị lao động giữa các khu vực, nên đã dẫn đến tình trạng lao động dôi dư từ khu vực nông thôn dồn ra các vùng đô thị, công nghiệp, khiến cho vấn đề việc làm vốn đã khó khăn ở đây càng trở nên khó khăn hơn. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn năm 2001 là 74,37%, năm 2002 là 75,41%, năm 2003 là 77,66%, năm 2004 là 78,75%, ước tính năm 2005 là 80%, tương đương với 20% - 25% thời gian bị lãng phí. Nghĩa là, so với kế hoạch trung bình của 5 năm là 80%, chúng ta còn phải phấn đấu nhiều.

Đó là chưa kể đến công tác đào tạo nghề của chúng ta hiện nay vẫn còn tồn tại không ít bất cập. Chẳng hạn như việc quy hoạch hệ thống các trường, các cơ sở dạy nghề còn chưa phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội; quy mô, năng lực đào tạo còn quá nhỏ bé so với nhu cầu của thị trường và nhiệm vụ được giao; cơ cấu và chất lượng đào tạo chưa phù hợp, chưa đáp ứng được so với cơ cấu và nhu cầu lao động kỹ thuật của thị trường lao động, của các ngành, các lĩnh vực và vùng kinh tế... Hơn nữa, tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ, ý thức tổ chức chưa cao của một bộ phận

người lao động cũng đã ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng nguồn nhân lực. Và tất nhiên, những điều này đã tác động tiêu cực đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nước ta.

3 - Một số kiến nghị

Gia tăng dân số tác động không nhỏ đến sự phát triển của nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Nếu không kiểm soát được tình trạng này, chắc chắn sẽ dẫn đến hàng loạt vấn đề thách thức như an ninh lương thực, môi trường, sự tích lũy của nền kinh tế và đặc biệt là sự phát triển bền vững. Vì thế, song song với việc tiếp tục đẩy mạnh công tác dân số nhằm đạt mức sinh thay thế tại các vùng nông thôn, miền núi hiện đang có mức sinh cao, phải tích cực lồng ghép chương trình dân số vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, từng vùng, miền và địa phương. Không chỉ có vậy, việc thực hiện chính sách dân số phải đồng bộ, từng bước và có trọng điểm để điều hòa quan hệ giữa số lượng với chất lượng dân số, giữa phát triển dân số với phát triển nguồn nhân lực, giữa phân bố và di chuyển dân cư với phát triển kinh tế - xã hội... để có thể tận dụng được một cách tốt nhất những cơ hội, đồng thời hạn chế những bất cập do việc gia tăng dân số đem lại, để nguồn nhân lực thực sự trở thành thế mạnh và tài sản vô giá của đất nước, cả hiện tại và mai sau.

Khác với xã hội nông nghiệp trước đây, sự phát triển của nền kinh tế - xã hội ngày nay phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ. Trong khi đó, chất lượng nguồn nhân lực lại phụ thuộc nhiều vào công tác giáo dục đào tạo. Vì vậy, không có gì quan trọng hơn việc tăng cường công tác giáo dục đào tạo để qua đó nâng dân chất lượng nguồn nhân lực, đúng như Đảng đã xác định "Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ" (4). Sinh thời,

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 219

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã nhắc nhở: "Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời. Suốt đời phải gắn liền lý luận với công tác thực tế. Không ai có thể tự cho mình đã biết đủ rồi, biết hết rồi" (5). V.I. Lê-nin, trong tác phẩm *Thà ít mà tốt* cũng đã đề cao vai trò của việc học tập khi nhấn mạnh rằng: "Không có cách nào khác ngoài việc "học tập, ... học tập, ... học tập mãi" và phải làm sao cho việc học tập thực sự ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người, hoàn toàn và thực tế trở thành một bộ phận không thể thiếu của cuộc sống" (6).

Kinh nghiệm về giáo dục - đào tạo Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc cho thấy, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho sự phát triển, điều quan tâm đầu tiên là vấn đề đào tạo. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản là nước bại trận, thiếu thốn, tụt hậu về kỹ thuật nhưng quốc gia này vẫn khẳng định sự lựa chọn truyền thống trong giáo dục. Hệ thống giáo dục của Nhật Bản được ưu tiên đầu tư trên nhiều khía cạnh, được sự quan tâm tạo điều kiện của mỗi gia đình và toàn xã hội (7). Hàn Quốc bị ảnh hưởng nhiều của nền văn hóa Nho học nên rất chú trọng phát triển giáo dục và coi trọng người thầy. Nhờ đó, đầu tư cho giáo dục của Hàn Quốc đã không ngừng tăng lên trong suốt gần 50 năm qua (8). Trung Quốc có chính sách mạnh dạn tìm người tài. Trước mắt, Trung Quốc đang thực hiện việc phát hành "thẻ xanh", một loại thẻ dành cho những kỹ thuật viên, các nhà đầu tư, các nhà doanh nghiệp với một "đặc quyền" là vào Trung Quốc sẽ không cần vi-sa...

Để việc giáo dục - đào tạo phát huy được vai trò trong sự nghiệp đổi mới cần giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa việc sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là những người tài là vấn đề nữa có ý nghĩa rất quan trọng bởi: "máy móc không chỉ thay thế lao động cơ bắp mà còn nâng lên sức mạnh trí tuệ con người; lực lượng sản xuất xã hội chuyển từ dựa nhiều vào vật chất sang dựa

nhều hơn vào trí lực và sức sáng tạo của con người. Sức sáng tạo của con người là vô hạn, tài nguyên là có hạn. Cho nên, kinh tế dựa vào tri thức mở ra những triển vọng to lớn, những khả năng vô hạn cho con người giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách mà mình đang phải đối mặt" (9). Vì thế, cần đổi mới cơ chế quản lý đối với những nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ. Bởi vì, có người tài, lại có một cơ chế quản lý phù hợp sẽ phát huy tối đa được những kiến thức của họ, sẽ góp phần làm cho đất nước không bị tụt hậu.

Bên cạnh đó, cũng cần quan tâm xây dựng chương trình quốc gia về việc làm. Bởi lẽ, sức ép lớn nhất, trực tiếp nhất của gia tăng dân số chính là vấn đề việc làm. Thế nên, xây dựng chương trình quốc gia về việc làm một cách bài bản và khoa học, hướng đến việc đa dạng hóa ngành nghề; chuyển đổi cơ cấu lao động, đặc biệt là tại nông thôn để phát triển thị trường lao động ở khu vực này hoặc giúp họ có thể chuyển sang ngành nghề phi nông nghiệp, nhất là tại những vùng đã chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ sản xuất nông nghiệp sang khu công nghiệp hoặc kết cấu hạ tầng kỹ thuật khác; đẩy mạnh xuất khẩu lao động; đồng thời khai thác triệt để tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế trong việc giải quyết việc làm cho người lao động là điều kiện quan trọng để giảm thiểu những mặt tiêu cực của bài toán gia tăng dân số. □

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t 8, tr 215

(6) Đỗ Tư: "Thà ít mà tốt - Di chúc chính trị cuối cùng của V.I. Lê-nin", Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 4-2001, tr 3 - 4

(7) Nguyễn Minh Tú (chủ biên): *Các chính sách huy động và phân bổ nguồn lực cho phát triển kinh tế Nhật Bản*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 15

(8) Nguy Kiệt - Hà Diệu: *Bí quyết cất cánh của 4 con rồng nhỏ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 46

(9) Đặng Hữu: "Phát triển bền vững dựa trên tri thức", Tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 11-2004, tr 9 - 10